

Bản án số: 223/2024/DS-ST.

Ngày: 23/9/2024.

V/v: Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng
đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai;

2. Bà Nguyễn Thị Phượng;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:*
Bà Cao Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 481/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 518/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị H**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ D, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: 2.1. Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Tổ D, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Ông **Huỳnh Văn K**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Huỳnh Văn G**, sinh năm 1983;

3.2. Chị **Huỳnh Thị Kim N**, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Tổ D, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1971;

3.4. Anh **Huỳnh Hữu P**, sinh năm 1989;

3.5. Anh **Huỳnh Hoàng D**, sinh năm 1994;

3.6. Chị **Huỳnh Thị Tường V**, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: Tổ D, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H có mặt bà T, ông K, ông G, chị N, bà Đ, anh P, anh D, chị V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:

Diện tích đất thuộc thửa 445, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại xã T, huyện C có nguồn gốc của ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị Đ1. Khi còn sống thì ông M, bà Đ1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp năm nào thì bà H không nhớ. Năm 2011, ông M, bà Đ1 làm thủ tục tặng cho bà H. Năm 2011, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.664m². Cấp cho cá nhân bà H. Khi cấp giấy chứng nhận cho bà H không đo đạc thực tế.

Trước đây, ranh giới giữa diện tích đất của bà H với đất của bà T có 02 trụ đá xác định ranh. Trụ đá do cha bà H và cha bà T thống nhất cắm. Khi cắm trụ đá có địa chính xã chứng kiến xuống trụ đá. Trụ đá phía sau hiện nay vẫn còn và nằm ở vị trí trước đây do cha bà H, cha bà T thống nhất cắm, không ai di chuyển. Trụ đá phía trước hiện nay không còn do bà T tự nhổ. Khi bà T nhổ trụ đá thì bà H có báo Ban nhân dân ấp A, xã T, ban nhân dân ấp không lập biên bản về việc nhổ trụ đá, nhưng có lập biên bản xác định trước đây có trụ đá, trụ đá do ông Út E trưởng ban nhân dân ấp 1 cắm.

Khi bà T làm nhà kiên cố như bây giờ, bà H có báo chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân xã T có cử cán bộ xuống làm việc, lập biên bản. Theo nội dung biên bản bà T cam kết nếu sai thì bà T đồng ý di dời nhà.

Trụ đá phía trước hiện nay không còn do kobe mức lên làm đường, sau đó ai nhổ bỏ thì bà H không biết. Trong quá trình sử dụng đất, năm 2010 cha bà H có làm nhà ở trên đất giáp diện tích đất của bà T. Đến năm 2015, thì di dời nhà trả đất cho bà H. Khi cha bà H làm nhà trên đất thì bà T không có ý kiến hay tranh chấp.

Nay, bà H xác định ranh giới giữa diện tích đất của bà H với đất của bà T là đường thẳng nối qua mốc M6-M11. Yêu cầu bà T di dời nhà trả đất cho bà H. Bà H xác định trụ đá phía sau giáp đất 03 người gồm bà H, bà N1 (ông K) thống nhất xuống trụ đá.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 455, tờ bản đồ số 03, hiện nay bà H đang quản lý không cầm cố thế chấp cho ai.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu xác định ranh giới giữa diện tích đất bà H với đất bà T là các đoạn thẳng nối qua các mốc: M6-M15-M16-M13 (M15-M16-M13 mí nhà bà T).

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Diện tích đất thuộc thửa 1227, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại xã T, huyện C có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn T1, bà Nguyễn Thị S. Khi còn sống thì ông T1, bà S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T đã ở trên đất hơn 40 năm. Lý do, bà T ở trên đất là do ông T1, bà S cho bà T, cho năm nào thì bà T không nhớ, Khi cho không làm giấy tờ, văn bản. Ông T1 nói bằng miệng diện tích chiều ngang phía trước 10,5m, chiều dài 30m, chiều ngang phía sau 10,5m. Sau khi cho đất thì ông T1, bà T có đo đất bằng thước tay, khi đo đất bằng tay thì không có người giáp ranh chứng kiến.

Trong quá trình sử dụng đất ranh đất phía sau bà T cắm trụ đá xác định ranh với diện tích đất của bà H mốc M5 theo sơ đồ. Trụ đá, hiện nay không còn. Bà T xác định lấy trụ đá phía sau làm chuẩn kéo đường thẳng về phía trước đường nhựa là ranh đất giữa diện tích đất của bà T với diện tích đất của bà H.

Năm 2022, bà T xây nhà mới như bây giờ. Bà T xây nhà mới trên nền và diện tích của nhà cũ. Khi bà T xây nhà, bà H biết và ngăn cản không cho bà T xây nhà. Sau đó, bà T có báo cho địa chính xã biết và có lập biên bản. Bà H viết gì trong biên bản của xã thì bà T không biết. Sau đó, bà T tiếp tục xây nhà hoàn thiện như bây giờ.

Ngoài ra, bà T xác định trước đây, ông T1 xác định ranh ở đây thì bà T biết ở đó.

Hộ bà T đang ở trên đất gồm: bà T, ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1983, ngoài ra không còn ai. Bà T không đồng ý yêu cầu của bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định, nên không có kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu xác định ranh đất là đường thẳng nối từ mốc M6-M11 theo sơ đồ đo đạc ngày 22/7/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Buộc bà T di dời nhà trả lại diện tích lấn chiếm. Tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu xác định ranh đất theo đường thẳng nối các mốc M6-M15-M16-M13 (theo mí nhà của bà T). Thay đổi yêu cầu của bà H không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định của pháp luật.

Nguồn gốc đất thửa 455, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thu H1 ngày 23/3/2021 do được ông Võ Văn M1 tặng cho có xác lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất công chứng chứng thực ngày 18/02/2011.

Nguồn gốc thửa 1227, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu cho ông Huỳnh Văn K ngày 18/11/1994 là thửa 904, tờ bản đồ số 1 do trong quá trình sử dụng đất ông K có thực hiện thủ tách cấp đổi thửa đất và một phần đất bị thu hồi để thực hiện dự án kênh N nay là thửa 1227.

Nhận thấy khi cấp quyền sử dụng đất cho bà H1, ông K không đo đạc thực tế không xác định ranh đất cụ thể tại vị trí nào, trong quá trình sử dụng có phát sinh tranh chấp và được tổ hòa giải ấp 1, xã T hoà giải thống nhất cắm trụ đá ranh nhưng do làm đường nên trụ đá không còn, các bên đương sự cũng như người làm chứng không xác định được trụ đá ranh trước đây đã cắm. Các bên đương sự không cung cấp được tài liệu chứng cứ cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên xét yêu cầu của bà H1 xác định ranh là đường thẳng nối các mốc M6-M15-M16-M13 là phù hợp với hiện trạng thực tế đang sử dụng và phù hợp theo quy định tại các Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự, Điều 203 Luật đất đai nên chấp nhận yêu cầu xác định ranh của bà H1.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 455, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị H với thửa 1227, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do ông Huỳnh Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bà T là người trực tiếp quản lý sử dụng đất) được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất là đường thẳng nối các mốc M6-M15-M16-M13 theo sơ đồ đo đạc ngày 22/7/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà H yêu cầu xác định ranh giới giữa thửa số 445 cấp cho bà H với 1227 cấp cho hộ ông K (hộ bà T là người trực tiếp sử dụng) cụ thể như sau: từ mốc M6-M11, theo sơ đồ đo đạc. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu xác định ranh giới giữa diện tích đất bà H với đất bà T là các đoạn thẳng nối qua các mốc: M6-M15-M16-M13 (M15-M16-M13 mí nhà bà T). Bà T đề nghị xác định ranh giới giữa thửa 1227 với thửa 445 là các đoạn thẳng nối qua các mốc: M5 –M12, theo sơ đồ đo đạc. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Do bị đơn có địa chỉ tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và diện tích đất tranh chấp thuộc các thửa 445, 1227 cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: ông K, anh G, chị N, bà Đ, anh P, anh D, chị V, đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[4] Xét yêu cầu của H yêu cầu xác định ranh giới giữa thửa số 445 cấp cho bà H với 1227 cấp cho hộ ông K (hộ bà T là người trực tiếp sử dụng) cụ thể như sau: từ mốc M6-M11, theo sơ đồ đo đạc. Bà T đề nghị xác định ranh giới giữa thửa

1227 với thửa 445 là các đoạn thẳng nối quá các mốc: M5 –M12, theo sơ đồ đo đạc, Hội đồng xét xử nhận định:

[5] Nguồn gốc diện tích đất thuộc thửa 445, tờ bản đồ số 03 là của ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị Đ1 (cha, mẹ bà H) tặng cho bà H năm 2011. Năm 2011, bà H được cấp quyền sử dụng đất diện tích 1.664m². Diện tích đất thuộc thửa 1227, tờ bản đồ số 03 có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn T1, bà Nguyễn Thị S (cha, mẹ của bà T) tặng cho bà T hơn 40 năm nay.

[6] Căn cứ để bà H xác định ranh giới giữa thửa số 445 cấp cho bà H với 1227 cấp cho hộ ông K (hộ bà T là người trực tiếp sử dụng) cụ thể như sau: từ mốc M6-M11, theo sơ đồ đo đạc; Tại phiên tòa, bà H yêu cầu xác định ranh giới giữa diện tích đất bà H với đất bà T là các đoạn thẳng nối qua các mốc: M6-M15-M16-M13 (M15-M16-M13 mí nhà bà T) vì: Ranh giới trước đây giữa diện tích đất của cha, mẹ bà H với diện tích đất của hộ bà T có cắm trụ đá ranh. Trong quá trình sử dụng đất cha, mẹ bà H có xây dựng nhà giáp diện tích đất của bà T. Hiện nay, vẫn còn bó nền nhà và công trình phụ. Khoảng năm 2022, khi nhà nước mở rộng đường và bà T xây dựng nhà tường như hiện nay thì bà T đã nhổ trụ đá ranh cắm phía trước giáp đường nông thôn. Khi bà T nhổ trụ đá, bà H có báo chính quyền địa phương và chính quyền địa phương có lập biên bản. Bà H xác định mốc M11 theo sơ đồ trước đây là trụ đá ranh. Ngoài ra, bà H không còn căn cứ nào xác định ranh giới.

[7] Căn cứ để bà T xác định ranh giới giữa thửa 1227 với thửa 445 là các đoạn thẳng nối quá các mốc: M5 –M12, theo sơ đồ đo đạc vì cho rằng: Diện tích đất thuộc thửa 1227, trước đây cha, mẹ bà T cho bà T có nói diện tích đất chiều ngang 10,5m, chiều dài hết đất. Phía sau có trụ đá mốc M5 trước đây là trụ đá, kéo đường thẳng từ trụ đá phía sau ra phía trước là ranh đất. Năm 2022, khi bà T xây nhà kiên cố như hiện nay (xây trên nền nhà cũ) thì bà H tranh chấp. Ngoài ra, bà T không còn căn cứ xác định ranh nào khác.

[8] Hiện trạng sử dụng đất thực tế: Trên diện tích đất bà T đang sử dụng, năm 2022 bà T có xây nhà tường kiên cố. Bà H có tranh chấp yêu cầu Ủy ban nhân dân xã lập biên bản, nhưng nội dung biên bản bà T không thừa nhận thống nhất ranh giới. Người làm chứng ông Út E không xác định được trụ đá ranh giữa diện tích đất bà H với đất bà T ngoài thực địa. Trong quá trình sử dụng đất nhà nước có thu hồi diện tích đất của bà H chiều ngang khoảng 02m, chiều dài hết đất. Do đó, không có căn cứ để xác định diện tích đất của bà H thiếu so với giấy chứng nhận được cấp là do bà T lấn ranh. Diện tích đất bà T xác định ranh trước đây cha bà H có làm nhà và các công trình phụ khác, hiện nay vẫn còn hiện trạng bó nền. Diện tích đất của bà T sử dụng hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông K người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định khi cha, mẹ còn sống có nói cho bà T diện tích đất có chiều ngang 09m, chiều dài hết đất. Người làm chứng bà Nguyễn Thị N1 xác định ranh giới giữa diện tích đất bà N1, bà H, bà T là trụ sắt do bà H cắm mốc M6 theo sơ đồ. Hình thể thửa đất bà T thay đổi giữa diện tích đất thực tế sử dụng và diện tích đất theo bản đồ lưới tọa độ chính quy là do bà T và người sử dụng đất thửa 1228 thống nhất lại ranh đất.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định bà T xây nhà hết diện tích đất của bà T sử dụng là có căn cứ. Bà H yêu cầu xác định ranh là mốc M6

(ranh giới đất bà H, bà T, bà N1) và mí tường nhà bà T là phù hợp theo hiện trạng sử dụng thực tế. Hội đồng xét xử xác ranh giới giữa thửa số 445 cấp cho bà H với 1227 cấp cho hộ ông K (hộ bà T là người trực tiếp sử dụng) cụ thể như sau: M6-M15-M16-M13, theo sơ đồ đo đạc là phù hợp theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015. Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ lòng đất đến không gian; cây trồng, vật kiến trúc, công trình xây dựng, tài sản của người nào lấn chiếm ranh giới phải tháo dỡ, di dời, đôn bỏ theo quy định của pháp luật.

[10] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đề nghị áp dụng Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự, Điều 203 Luật đất đai xét xử theo hướng: Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 455, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thu H1 với thửa 1227, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do ông Huỳnh Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bà T là người trực tiếp quản lý sử dụng đất) được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất là đường thẳng nối các mốc M6-M15-M16-M13 theo sơ đồ đo đạc ngày 22/7/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp. Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[11] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Bà H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0000065 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, bà T phải chịu 5.865.850 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ Luật tố tụng dân sự. Số tiền trên bà H1 đã nộp và chi xong nên bà T phải nộp để trả lại cho bà H1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26, Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 167, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H yêu cầu xác định ranh giới giữa số 445 cấp cho bà H với 1227 cấp cho hộ ông K (hộ bà T là người trực tiếp sử dụng). Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 445 cấp cho bà H với thửa 1227 cấp cho hộ ông K (hộ bà T đang sử dụng) là các đoạn thẳng nối qua các mốc: M6-M15-M16-M13, theo sơ đồ đo đạc ngày 21/03/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp. Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ lòng đất đến không gian; tài sản, cây trồng, công trình xây dựng, công trình kiến trúc của bên người nào lấn chiếm ranh đất phải di dời, tháo dỡ hay đôn bỏ theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc 21/03/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ các ngày 06/6/2023 và 21/03/2024 của Tòa án).

- Bà Võ Thị H, ông Huỳnh Văn K, bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Về án phí và chi phí tố tụng khác:

+ Bà Võ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0000065 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Huỳnh Thị T phải chịu 5.865.850 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Do bà H đã nộp và chi xong nên bà T phải nộp để trả lại cho bà H.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu (HS).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà